

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 thành phố Cần Thơ

Thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội khóa XV phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 thành phố Cần Thơ, với nội dung cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Kết quả triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước, được người dân đồng thuận mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Trên địa bàn thành phố Cần Thơ, các Chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai mang tính lồng ghép chặt chẽ, chú trọng chất lượng và bền vững, với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và Nhân dân cùng chung sức, thi đua thực hiện thắng lợi các nội dung, nhiệm vụ cụ thể của từng Chương trình mục tiêu quốc gia. Quá trình triển khai đã tiếp cận các xu thế phát triển mới như chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, du lịch nông thôn, dinh dưỡng, đào tạo nghề, tạo việc làm, bình đẳng giới, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Các Chương trình mục tiêu quốc gia đã góp phần quan trọng giúp thành phố Cần Thơ hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến cuối năm 2025 trong điều kiện đại dịch Covid-19 kéo dài và ảnh hưởng sâu rộng trong các năm đầu giai đoạn.

Đến cuối năm 2025, hạ tầng nông thôn phát triển đồng bộ, dịch vụ thiết yếu được mở rộng; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,59%, tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số giảm còn 1,36%; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển và chênh lệch vùng miền; thu nhập bình quân đầu người đạt 66 triệu đồng/người/năm, điều kiện sống người dân cải thiện rõ nét, nhất là các địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; quốc phòng, an ninh được giữ vững ổn định, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn được đảm bảo. Bên cạnh đó, các đột phá về khoa học công nghệ, chuyển đổi số, cuộc

cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị,... sẽ là tiền đề và nền tảng để thành phố Cần Thơ tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình), hướng đến mục tiêu phát triển bền vững toàn diện, bao trùm, lấy người dân làm trung tâm, phù hợp với mô hình chính quyền 02 cấp, quyết tâm hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu Chương trình theo Kế hoạch Trung ương giao và theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, góp phần đưa thành phố Cần Thơ phát triển đến năm 2030 trở thành một cực tăng trưởng của quốc gia, giữ vai trò động lực phát triển, lan tỏa, dẫn dắt cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long, xây dựng con người Cần Thơ giàu bản sắc, có lý tưởng cách mạng, có cuộc sống ấm no hạnh phúc.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Chương trình thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ, ưu tiên xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu, biên giới.

2. Đối tượng thụ hưởng

Các xã, ấp, người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn thành phố, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu, biên giới.

3. Thời gian thực hiện

Chương trình được thực hiện từ 2026 đến hết năm 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các khu vực, địa bàn, nhóm dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số so với các vùng khác. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số; nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố, nhất là địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng biên giới biển.

Thực hiện Chương trình với tinh thần “*Quyết liệt, chủ động và sáng tạo*”, thể hiện rõ vai trò địa phương và ngân sách địa phương theo phân cấp trong suốt quá trình triển khai Chương trình bằng các nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể, được cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị xã hội các cấp triển khai nghiêm túc, mang lại hiệu quả; tập trung cụ thể hóa mạnh mẽ nguyên tắc người dân là trung tâm, là chủ thể; phát động và duy trì “*Phong trào nhận thức và hành động xã hội*” thường xuyên, sâu rộng trong thực hiện Chương trình.

Phấn đấu hoàn thành vượt chỉ tiêu Chương trình đến năm 2030, góp phần vào thành tích chung của toàn thể Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân thành phố Cần Thơ chào mừng kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng (03/02/1930 - 03/02/2030).

2. Mục tiêu cụ thể đến 2030

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn phấn đấu tăng gấp 2 đến 2,5 lần so với năm 2020 (đạt từ 80 triệu đồng đến 100 triệu đồng/người/năm). Trong đó, thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số không thấp hơn 1/2 bình quân chung của thành phố.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều đến năm 2030 giảm bằng hoặc thấp hơn 2,42%, duy trì mức giảm từ 1 đến 1,5%/năm (tính từ năm 2027 khi áp dụng chuẩn nghèo giai đoạn 2026 - 2030), phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng dân tộc thiểu số xuống dưới 10%.

- Tập trung phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ưu tiên nguồn lực để giảm nhanh số lượng các ấp, xã đặc biệt khó khăn.

- Phấn đấu 90,3% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; có khoảng 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận xã đạt nông thôn mới hiện đại theo các tiêu chí cụ thể do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

IV. NỘI DUNG VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Nội dung thực hiện và phân công trách nhiệm thực hiện 02 hợp phần, 15 nội dung thành phần (75 nội dung cụ thể) theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, được cụ thể hóa trên địa bàn thành phố Cần Thơ như sau:

1. Hợp phần thứ nhất: Các nội dung chung thực hiện trên địa bàn thành phố (Gồm 10 nội dung thành phần và 52 nội dung cụ thể, thực hiện trên phạm vi toàn thành phố; chỉ thực hiện tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với những nội dung Hợp phần thứ hai không quy định, nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình)

1.1 Nội dung thành phần 01: Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững (gồm 02 nội dung cụ thể)

1.1.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 01 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới (Sau đây viết tắt là NTM) giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Sau đây viết tắt là Bộ tiêu chí về xã NTM).

1.1.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã; quy hoạch cấp tỉnh theo quy định. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo pháp luật về kiến trúc.

b) Nội dung 02: Thực hiện xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng NTM trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hóa) để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và được cung cấp, chia sẻ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

1.1.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung: 01, 02.

1.2. Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu (Gồm 14 nội dung cụ thể)

1.2.1. Mục tiêu

a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 02 về Hạ tầng kinh tế xã hội, nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số, nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

b) Đạt yêu cầu các điều kiện số 04, số 06, số 11 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2026 - 2030.

c) Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây viết tắt là DTTS):

- Trên 85% số xã, ấp vùng đồng bào DTTS có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông.

- 100% ấp có đường trục chính được cứng hoá.

- 100% ấp có đường ô tô kết nối với trung tâm xã hoặc các trục đường chính, quốc lộ, tỉnh lộ được rải nhựa hoặc bê tông bảo đảm đi lại quanh năm.

- 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp.

- 100% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 20% sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn.

- 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Từng bước nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ internet, hạ tầng số của người dân vùng đồng bào DTTS, góp phần thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

1.2.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, ấp; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên ấp theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới.

b) Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên đầu tư công trình thủy lợi cho các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu.

c) Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là tại các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới, vùng có nguy cơ rủi ro cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

d) Nội dung 04: Đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn phục vụ dân sinh và sản xuất theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cho các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới. Khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo (Điện mặt trời, điện gió...) phù hợp điều kiện vùng, miền, hướng tới hạ tầng điện thông minh và phát triển bền vững.

đ) Nội dung 05: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thư viện cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn nông thôn theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, ấp đặc biệt khó khăn, an toàn khu, biên giới.

e) Nội dung 06: Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; phát triển các mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm cấp xã; thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử; khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ logistics gắn với vùng sản xuất hàng hóa. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới.

g) Nội dung 07: Phát triển cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung; hạ tầng kỹ thuật, kho bãi, kho lạnh, trung tâm sơ chế, sấy, chế biến, trung tâm cung ứng - thu mua nông sản tại vùng sản xuất hàng hóa tập trung từng bước hiện đại, đồng bộ với quy hoạch sản xuất; đầu tư, nâng cấp hạ tầng làng nghề phù hợp với quy mô sản xuất của địa phương. Tập trung, ưu tiên đầu tư vùng đồng bào DTTS.

h) Nội dung 08: Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn nông thôn; duy trì điểm phục vụ bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới.

i) Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các ấp). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới.

k) Nội dung 10: Phát triển công trình cấp nước sạch tập trung tại các xã hoặc liên xã phù hợp với đặc thù vùng, miền, bảo đảm hoạt động hiệu quả, bền vững, trong đó tập trung, ưu tiên đầu tư tại các xã, ấp đặc biệt khó khăn; khu vực biên giới; vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước; khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước; vùng đồng bào DTTS; khu vực bãi ngang, ven biển và hỗ trợ cấp nước hộ gia đình đạt chuẩn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ trên địa bàn vùng đồng bào DTTS, hộ trên địa bàn khó tiếp cận với nước sạch tập trung.

l) Nội dung 11: Phát triển hệ thống và hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, nước thải hộ gia đình và cụm dân cư ứng dụng công nghệ phù hợp, thân thiện môi trường. Phát triển hạ tầng thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong thu gom, xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới.

m) Nội dung 12: Thực hiện bố trí ổn định dân cư (với các hình thức bố trí: Tập trung hình thành điểm dân cư mới; xen ghép vào các điểm dân cư hiện có hoặc ổn định tại chỗ đối với địa bàn không có quỹ đất để bố trí tái định cư) theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng (theo danh mục dự án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

n) Nội dung 13: Hỗ trợ cải thiện nhà ở dân cư nông thôn theo hướng an toàn, kiên cố, thích ứng biến đổi khí hậu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đối tượng chính sách, các hộ dân sống tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

o) Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp.

1.2.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung: 01, 13, 14.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung: 02, 03, 07, 10.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, thực hiện nội dung 11.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, thực hiện nội dung 12.

đ) Sở Công Thương chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung: 04, 06.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 05.

g) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 08.

h) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 09.

1.3. Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)

1.3.1. Mục tiêu

a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM.

b) Đạt yêu cầu các điều kiện số 08, số 10 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

c) Đẩy mạnh phát triển kinh tế, giảm nghèo nhanh và nâng cao thu nhập bền vững; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng đồng bào DTTS so với bình quân chung của cả nước, cải thiện rõ rệt đời sống Nhân

dân, gắn với thúc đẩy bình đẳng giới và tăng cường vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế nông thôn.

d) Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS biết làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

1.3.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc.

b) Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới; hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ.

c) Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững. Ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu. Triển khai áp dụng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đối với mọi loại cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc đối với lương thực thực phẩm.

d) Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới; khuyến khích chủ thể là phụ nữ, người đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật tham gia sản xuất sản phẩm OCOP.

đ) Nội dung 05: Phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống theo hướng bền vững, nâng tầm thương hiệu làng nghề phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và văn hóa của địa phương; chuyển đổi số, xây dựng bản đồ số làng nghề; tổ chức Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ thường niên và Festival bảo tồn và phát triển làng nghề.

e) Nội dung 06: Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn đặc trưng vùng, miền; đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh phát triển sản phẩm du lịch gắn với

sản phẩm OCOP, làng nghề truyền thống, du lịch xanh, tạo sinh kế bền vững những xã có điều kiện phát triển du lịch.

g) Nội dung 07: Kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và xuất khẩu; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ bảo đảm bền vững, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn.

h) Nội dung 08: Phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng; nâng cao khả năng bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm và tăng giá trị gia tăng.

i) Nội dung 09: Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới.

k) Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững.

1.3.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung: 01, 02, 03, 05, 08, 09, 10.

b) Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 04.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, thực hiện nội dung 06;

d) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, thực hiện nội dung 07.

1.4. Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững (gồm 05 nội dung cụ thể)

1.4.1. Mục tiêu

a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 04 về Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn, nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM.

b) Đối với vùng đồng bào DTTS:

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng dần tỷ lệ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

- Có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

1.4.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho người dân vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới. Triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập và học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới.

b) Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung, ưu tiên cho lao động trên địa bàn các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới;

c) Nội dung 03: Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp, trường trung học nghề), trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, ấp đặc biệt khó khăn, an toàn khu, biên giới. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào DTTS, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị. Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn.

d) Nội dung 04: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong và ngoài thành phố. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động trên địa bàn các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới; lao động là người khuyết tật, phụ nữ và người lao động cao tuổi.

đ) Nội dung 05: Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thuê cơ sở đào tạo và lưu trú cho ứng viên tham gia khóa đào tạo Tiếng Nhật để đi làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA).

1.4.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01, 03.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

c) Sở Nội vụ chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 04, 05.

1.5. Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới (gồm 04 nội dung cụ thể)

1.5.1. Mục tiêu

a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công, nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

b) Đạt yêu cầu các điều kiện số 09, số 12 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

c) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương và quy định của pháp luật.

d) Nâng cao tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS và đặc thù vùng đồng bào DTTS.

đ) Nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng về trợ giúp pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở; biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước để người dân được biết và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tăng cường khả năng, cơ hội phát triển sinh kế bền vững.

1.5.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung, ưu tiên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; các đối tượng thuộc các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới.

b) Nội dung 02: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

c) Nội dung 03: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, an toàn khu, biên giới... Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về công tác xây dựng NTM, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào DTTS thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước.

d) Nội dung 04: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS. Thúc đẩy bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS ở địa phương. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới.

Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; tổ chức triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ.

1.5.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện:

- a) Sở Nội vụ chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.
- b) Sở Tư pháp chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 03; Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.
- c) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

1.6. Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn (gồm 02 nội dung cụ thể)

1.6.1. Mục tiêu

- a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM.
- b) Nâng cao năng lực, nhận thức về kiến thức số, chuyển đổi số đối với đồng bào DTTS, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS chủ động tiếp cận với các dịch vụ trực tuyến, dịch vụ an sinh xã hội.

1.6.2. Nội dung thực hiện

- a) Nội dung 01: Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS.
- b) Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS; phát triển và nhân rộng các mô hình “Áp thông minh”.

1.6.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện:

- a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.
- b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

1.7. Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn (gồm 04 nội dung cụ thể).

1.7.1. Mục tiêu

- a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM.
- b) Đạt yêu cầu các điều kiện số 11 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

1.7.2. Nội dung thực hiện

- a) Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô ấp, cụm dân cư, hộ gia đình. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ vùng đồng bào DTTS nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình.

b) Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; tăng cường giám sát môi trường dựa vào cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức đoàn thể trong giám sát nguồn thải, phát hiện sớm và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

c) Nội dung 03: Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn Sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “Nông nghiệp xanh”.

d) Nội dung 04: Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; nâng cao ý thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm an toàn; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, kiểm soát và giám sát an toàn thực phẩm.

1.7.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01, 02.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố hướng dẫn, thực hiện nội dung 03.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, thực hiện, nội dung 04.

1.8. Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS (Gồm 05 nội dung cụ thể)

1.8.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu một số tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM.

1.8.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; xây dựng, nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”, tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình.

b) Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc

“5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”.

c) Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035”; Đề án “Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

d) Nội dung 04: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.

đ) Nội dung 05: Triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022 - 2030; Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; thúc đẩy phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2035”.

1.8.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

b) Hội Nông dân thành phố chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

c) Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 03, 04.

d) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 05.

1.9. Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội (gồm 02 nội dung cụ thể)

1.9.1. Mục tiêu

a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM các cấp.

b) Đạt yêu cầu điều kiện số 13 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

1.9.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững;

b) Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bón tại chỗ”, không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiểm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa

bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn.

1.9.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

- a) Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01;
- b) Công an thành phố chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

1.10. Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS (gồm 04 nội dung cụ thể)

1.10.1. Mục tiêu

a) Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và hiệu quả quản trị Chương trình ở tất cả các cấp; bảo đảm công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện thường xuyên, khách quan, minh bạch, gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tập trung, đồng bộ, kết nối liên thông từ Trung ương đến xã.

b) Ban hành Chương trình và tài liệu tập huấn theo khung thống nhất toàn quốc.

c) 100% cán bộ cấp tỉnh, 95% cán bộ cấp xã tham gia thực hiện Chương trình được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu/năm về quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá Chương trình MTQG.

d) 100% trưởng ấp, thành viên Ban Phát triển ấp, Ban Giám sát cộng đồng được tập huấn về quy trình tham gia thực hiện Chương trình, giám sát đầu tư, truyền thông và huy động cộng đồng.

đ) Ít nhất 65% số xã tổ chức định kỳ các khóa tập huấn trực tiếp, đào tạo tại chỗ cho người dân nông thôn về các nội dung của Chương trình; tư duy phát triển nông thôn hiện đại, kinh tế đa giá trị, tự chủ sinh kế và quản trị cộng đồng.

e) Đổi mới toàn diện công tác truyền thông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đa nền tảng và tương tác hai chiều, bảo đảm truyền tải chính xác, kịp thời các chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện Chương trình.

g) Tăng cường năng lực của hệ thống truyền thông các cấp, hình thành mạng lưới thông tin thống nhất từ trung ương đến cơ sở, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và huy động sự tham gia chủ động của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng trong thực hiện Chương trình.

h) Tổ chức thực hiện sâu rộng, thiết thực, hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS trên phạm vi thành phố, bảo đảm tính lan tỏa, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm.

1.10.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

b) Nội dung 02: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS.

c) Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS.

d) Nội dung 04: Tổ chức triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi” do Thủ tướng Chính phủ phát động.

1.10.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, thực hiện nội dung 01 (Riêng nhiệm vụ Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm do Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì), 02, 03.

b) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

2. Hợp phần thứ hai: Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS (Gồm 05 nội dung thành phần và 23 nội dung cụ thể, thực hiện trên phạm vi vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chỉ thực hiện ngoài vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với những nội dung mang tính đặc thù của ngành công tác dân tộc và không quy định trong Hợp phần thứ nhất).

2.1. Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số (gồm 07 nội dung cụ thể)

2.1.1. Mục tiêu

a) Giải quyết căn bản tình trạng đồng bào DTTS di cư không theo kế hoạch; hoàn thành quy hoạch đất ở, cơ bản di dời, bố trí ổn định nhà ở, đất ở cho hộ đồng bào DTTS đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ lụt.

b) Bảo đảm 100% các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, an toàn khu, CT229 có nhu cầu được đầu tư các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học.

c) Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc.

d) Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

đ) 100% đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.

2.1.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Đầu tư xây dựng mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho: Các cơ sở giáo dục mầm non; các trường phổ thông; các trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, phổ thông dân tộc bán trú, dân tộc nội trú, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên (Ưu tiên đầu tư các hạng mục: đầu tư xây dựng, đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phụ trợ khác; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục, phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh DTTS; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo). Ưu tiên tập trung cho địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, an toàn khu địa bàn chiến lược về an ninh, quốc phòng, khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống; đầu tư mới, đầu tư cải tạo, nâng cấp và kiên cố hóa các trường, lớp học, sân chơi cho học sinh phổ thông, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phụ trợ khác ở khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống.

b) Nội dung 02: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm tăng cường cơ sở vật chất, tăng cường năng lực thực hiện nhiệm vụ của các trường dự bị đại học.

c) Nội dung số 03: Đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc (thành phố Cần Thơ không có đơn vị được lựa chọn thực hiện nội dung này).

đ) Nội dung 04: Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các ấp vùng đồng bào DTTS; phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị các công trình kiến trúc tiêu biểu của các DTTS; tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS; xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái vùng đồng bào DTTS; bảo tồn không gian văn hóa truyền thống của các DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

e) Nội dung 05: Hỗ trợ thiết lập, duy trì các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, ấp để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự.

g) Nội dung 06: Giải quyết những vấn đề cấp thiết vùng đồng bào DTTS, bao gồm: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho đồng bào DTTS còn di cư tự do và ở những nơi cần thiết; hỗ trợ đất ở, nhà ở cho các hộ trong diện quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư; hỗ trợ đất sản xuất đối với đối tượng thay đổi chỗ ở khi bố trí quy hoạch, sắp xếp, ổn định dân cư; hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư; xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp công trình chống sạt lở tại những điểm xã, ấp có nguy cơ sạt lở cao, ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực dân cư, trường học; đầu tư xây dựng nhà hỏa táng, quy hoạch, bố trí quỹ đất làm các khu nghĩa địa, nghĩa trang tập trung vùng đồng bào DTTS.

h) Nội dung 07: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình đặc thù phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng ở địa bàn các xã biên giới, an toàn khu, CT229, các khu kinh tế quốc phòng, địa bàn chiến lược về quốc phòng - an ninh, bao gồm: Đường tuần tra biên giới và các công trình cơ

sở hạ tầng lưỡng dụng phục vụ dân sinh gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng ở khu vực biên giới; quy hoạch và bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới, an toàn khu, CT229, các khu kinh tế quốc phòng, địa bàn chiến lược về quốc phòng - an ninh.

2.1.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, thực hiện nội dung 01, 02.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

c) Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, thực hiện nội dung 05.

d) Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng hướng dẫn, thực hiện nội dung 06.

đ) Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 07.

2.2. Nội dung thành phần 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (gồm 06 nội dung cụ thể)

2.2.1. Mục tiêu

a) Phần đầu tăng thu nhập bình quân của người DTTS không thấp hơn 1/2 bình quân chung của thành phố.

b) Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số xuống dưới 10%.

c) Góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng dần tỷ lệ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

d) Phần đầu có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

đ) Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS biết làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

e) Phần đầu 70% lễ hội truyền thống tiêu biểu được phục hồi, tổ chức thường niên gắn với phát triển du lịch; 100% xã vùng DTTS có cán bộ văn hoá thông tin được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

g) 100% đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.

2.2.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, dược liệu có giá trị kinh tế vùng đồng bào DTTS.

b) Nội dung 02: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

c) Nội dung 03: Hỗ trợ thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS.

d) Nội dung 04: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn kết với dân bản vùng đồng bào DTTS.

đ) Nội dung 05: Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS.

e) Nội dung 06: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các các đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

2.2.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

c) Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, thực hiện nội dung 03.

d) Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

đ) Sở Công Thương chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 05.

e) Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, thực hiện nội dung số 06.

2.3. Nội dung thành phần 03: Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS (gồm 04 nội dung cụ thể)

2.3.1. Mục tiêu

a) Phân đầu tăng quy mô tuyển sinh đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với người dân tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm đạt ít nhất 10%.

b) Nâng cao năng lực cho cộng đồng, cán bộ ở các cấp triển khai thực hiện hợp phần thứ hai của Chương trình ở vùng đồng bào DTTS. Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục làm yếu tố căn bản để nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào DTTS.

c) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương.

d) Hỗ trợ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng vùng đồng bào DTTS.

2.3.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông vùng đồng bào DTTS về chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao năng lực thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào DTTS, hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS.

b) Nội dung 02: Bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số; kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức; đối với lực lượng công an, quân đội, căn cứ tình hình thực tiễn xác định đối tượng phù hợp để bồi dưỡng.

c) Nội dung 03: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS; giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết.

d) Nội dung 04: Các hoạt động đặc thù thuộc nội dung của Chương trình cán bộ, chiến sĩ quân đội nâng bước em tới trường: Hỗ trợ các em trong độ tuổi đi học (từ lớp 1 đến lớp 12) là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn; là con của người có uy tín,

người tích cực tham gia bảo vệ biên giới trong đồng bào các DTTS và các em là người DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù được các đơn vị Quân đội nhận nuôi và hỗ trợ, giúp đỡ.

2.3.4. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

b) Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

c) Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS thuộc nội dung 03; Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, hướng dẫn, thực hiện nội dung về giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thuộc nội dung 03.

d) Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

2.4. Nội dung thành phần 04: Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (gồm 02 nội dung cụ thể)

2.4.1. Mục tiêu

- Phấn đấu giảm 50% tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù so với thời điểm năm 2024.

- Phấn đấu tăng 30% tỷ lệ người lao động các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù biết nghề, sống bằng nghề được đào tạo.

- Phấn đấu 20% học sinh, sinh viên xuất sắc thuộc dân tộc khó khăn đặc thù được hỗ trợ kinh phí đi đào tạo nước ngoài.

2.4.2. Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù trên địa bàn thành phố.

- Nội dung 02: Thành phố Cần Thơ không thuộc phạm vi thực hiện.

2.4.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

2.5. Nội dung thành phần 05: Công tác truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS (gồm 04 nội dung cụ thể)

2.5.1. Mục tiêu

a) Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho trưởng ấp, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, đồng bào DTTS và người dân sinh sống trên địa bàn.

c) Hỗ trợ đồng bào DTTS được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào DTTS, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình.

d) Nâng cao năng lực, nhận thức của đồng bào DTTS trong ứng dụng chuyển đổi số để nâng cao giá trị cuộc sống và hiệu quả lao động sản xuất.

đ) Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào DTTS, giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật; giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động hòa giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước để được tăng cường khả năng, cơ hội phát triển sinh kế bền vững và được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

2.5.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, đồng bào DTTS và người dân sinh sống trên địa bàn.

b) Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý, hoà giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho vùng đồng bào DTTS.

c) Nội dung 03: Xây dựng và duy trì, vận hành hệ thống quản lý theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào DTTS, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (theo các Nghị định của Chính phủ: số 255/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2025 về xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030, số 272/2025/NĐ- CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030).

d) Nội dung 04: Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS. Ưu tiên hiện đại hóa hệ thống thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại để đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại, cung cấp nội dung thiết yếu, chuyên sâu, có ý nghĩa thực tiễn, lâu dài, có giá trị lan tỏa, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng tiếp cận thông tin của Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới nhằm góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

2.5.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

b) Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

c) Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 03.

d) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

V. DỰ KIẾN TỔNG MỨC VỐN VÀ CƠ CẤU NGUỒN LỰC

Nguồn lực huy động thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ từ các nguồn:

- Ngân sách Trung ương phân bổ trực tiếp cho Chương trình: Vốn bố trí trung hạn theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức; vốn cân đối thêm cho Chương trình (Nếu có), dự kiến chiếm 16,5% nguồn lực huy động vốn.

- Ngân sách địa phương: từ nguồn ngân sách thành phố đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định của Trung ương; kinh phí sự nghiệp thực hiện công tác quy hoạch, hỗ trợ công tác quản lý tuyên truyền và đào tạo tập huấn,... dự kiến chiếm 21,8% nguồn lực huy động vốn.

- Lòng ghép: từ 04 Chương trình mục tiêu quốc gia còn lại; vốn địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2035 cân đối, bố trí thực hiện các nội dung liên quan; các chương trình, dự án triển khai phù hợp với nội dung, hợp phần thuộc Chương trình, dự kiến chiếm 34,5% nguồn lực huy động vốn.

- Tín dụng: Tín dụng chính sách xã hội do ngân sách nhà nước bố trí thực hiện các nội dung liên quan Chương trình, dự kiến chiếm 2,2% nguồn lực huy động vốn.

- Doanh nghiệp, Hợp tác xã và Nhân dân: từ nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống điện, vốn đối ứng các hợp tác xã tham gia các đề án, chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, vốn hỗ trợ hoặc đầu tư của các tổ chức, doanh nghiệp theo cơ chế công tư đối với các tiêu chí, nội dung liên quan đến Chương trình như giao thông, môi trường, cấp nước sạch, cơ sở vật chất văn hóa, phát triển du lịch nông thôn,... Vốn Nhân dân đóng góp ngày công, tiền mặt, đất đai, hoa màu, đối ứng thực hiện phát triển sản xuất, thực hiện mô hình xây dựng nông thôn mới, tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu,... dự kiến chiếm 25% nguồn lực huy động vốn.

VI. CƠ CHẾ THỰC HIỆN

Thực hiện theo quy định tại: Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ chế chính sách của thành phố Cần Thơ ban hành.

VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đảm bảo sự vào cuộc mạnh mẽ, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị

- Xây dựng Nghị quyết chuyên đề về cụ thể hóa chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 về thực hiện Chương trình ngay khi Chương trình được phê duyệt.

- Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình với quyết tâm chính trị cao: phát huy vai trò của người đứng đầu, phải thực sự tâm huyết, trách nhiệm, vào cuộc thường xuyên trong lãnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện mục tiêu Chương trình; mỗi cơ quan, đơn vị xác định rõ trách nhiệm được giao để phối hợp nhịp nhàng trong thực hiện nhiệm vụ chung.

- Quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các cơ chế đặc thù và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mạnh mẽ cơ chế phân cấp, phân quyền cho cấp xã trực tiếp thực hiện Chương trình, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Áp dụng nguyên tắc quản trị đa mục tiêu, tích hợp, đảm bảo sự linh hoạt trong triển khai các nội dung về nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển vùng dân tộc thiểu số.

- Triển khai toàn diện, đồng bộ các mục tiêu, nội dung của Chương trình nhưng phải đảm bảo lộ trình chung, có trọng tâm, trọng điểm để hoàn thành mục tiêu hàng năm và cả giai đoạn.

(Đính kèm Phụ lục số 01)

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện Chương trình nhất là kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo. Chú trọng đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo tập huấn, cập nhật và triển khai kịp thời các chuyên đề đáp ứng yêu cầu từ cơ sở, giải quyết được khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai.

- Chủ động hoàn thiện sớm, triển khai đầy đủ các cơ chế chính sách phục vụ Chương trình, nhất là các chính sách tạo môi trường thuận lợi cho người dân tham gia, phát huy vai trò chủ thể. Tập trung hoàn thành sớm, đảm bảo chất lượng công tác quy hoạch, đi đôi với tăng cường quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới trở thành định hướng phát triển, xây dựng diện mạo nông thôn ngày càng văn minh, hiện đại. Ban hành cơ chế, chính sách cụ thể để hỗ trợ các đối tượng ưu tiên (hộ nghèo, cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số) về mức hỗ trợ và lãi suất vay. Các Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung, dự án và phần việc liên quan để hỗ trợ, phối hợp thực hiện tốt mục tiêu Chương trình.

(Đính kèm Phụ lục số 02)

2. Nâng cao chất lượng cuộc vận động xã hội thực hiện Chương trình

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền đi vào trọng điểm: những thành quả đạt được và bài học kinh nghiệm rút ra qua nhiều giai đoạn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; chủ trương, chính sách, nguyên tắc thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030; vai trò chủ thể của người dân, cách thức phát huy vai trò chủ thể; tinh thần “Cần cù, tự lực, hợp tác”; các mô hình hiệu quả, các điển hình tiên tiến, kinh nghiệm và cách làm hay cần phổ biến nhân rộng,...

- Phát động hiệu quả phong trào thi đua thực hiện Chương trình do Thủ tướng Chính phủ phát động, lồng ghép với các phong trào, cuộc vận động liên quan của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội đến tận xóm, ấp, khu dân cư và hộ gia đình thực hiện các mô hình cụ thể, có sản phẩm rõ ràng; đề cao thực hiện việc nêu gương của cán bộ, công chức, đảng viên, hội viên các đoàn thể trong thực hiện Chương trình tại địa phương; thường xuyên phát hiện, biểu dương, khen thưởng kịp thời các gương điển hình qua các phong trào thi đua.

- Quán triệt nguyên tắc lấy người dân làm trung tâm và chủ thể của quá trình phát triển. Người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát Chương trình. Thực hiện nghiêm túc phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và huy động sự tham gia chủ động của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng, khuyến khích người dân

tự nguyện đóng góp, không huy động quá sức dân và không để phát sinh nợ đọng trong triển khai Chương trình.

- Đẩy mạnh phát động thi đua thực hiện nông thôn mới ở cộng đồng, phấn đấu mỗi ấp, khu, tuyến dân cư trên địa bàn xã đều có hình thành và duy trì hiệu quả các tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí quy định, trở thành mô hình tuyên truyền thực tế nhằm thay đổi nhận thức, giúp người dân thực hiện tốt việc phân loại, thu gom rác sinh hoạt; chấp hành chỉ giới quy hoạch, giữ gìn an ninh trật tự, cải tạo cảnh quan môi trường sống,...

3. Chú trọng hoàn thiện, đổi mới cơ chế chính sách quản lý, thực hiện Chương trình phù hợp yêu cầu và bối cảnh mới

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp, các sở ban ngành và địa phương chủ động hoàn thành sớm và duy trì khung cơ chế chính sách hoàn thiện, khả thi để tạo động lực, điều kiện triển khai thông suốt, hiệu quả Chương trình trên địa bàn thành phố, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và tính chất của Chương trình trong giai đoạn mới:

- Thiết lập và kiện toàn bộ máy quản lý điều hành, tham mưu triển khai Chương trình theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương mới và yêu cầu triển khai Chương trình theo hướng tích hợp, liên ngành.

- Quy định cơ chế phân cấp mạnh mẽ cho chính quyền cấp xã trong triển khai các hợp phần thuộc Chương trình, gắn với quy định rõ về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình nhằm tăng tính chủ động và rút ngắn thời gian triển khai tại cấp cơ sở.

- Xây dựng Bộ tiêu chí nông thôn mới gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tư nhân để áp dụng phù hợp với điều kiện của thành phố.

- Có cơ chế phân bổ vốn tích hợp và các tiêu chí ưu tiên cho từng nhóm xã. Từng bước áp dụng cơ chế hỗ trợ theo kết quả đầu ra nhằm đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả, tạo động lực để chính quyền cơ sở tự chủ trong việc đạt mục tiêu và thu hẹp khoảng cách phát triển.

- Ưu tiên các dự án xã hội hóa tại khu vực nông thôn, ưu đãi cao nhất theo khung pháp lý hiện hành (Về thuê đất, thuế thu nhập) cho các nhà đầu tư vào các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, các xã thuộc vùng dân tộc thiểu số nhằm huy động được nguồn lực ngoài ngân sách, giảm gánh nặng đầu tư công và thúc đẩy mô hình sản xuất, kinh doanh bền vững tại nông thôn.

- Xây dựng chính sách tín dụng ưu đãi dành riêng cho các HTX nông nghiệp/thủy sản tham gia chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ (kỹ thuật canh tác, chế biến), khuyến khích phát triển kinh tế tập thể quy mô lớn, đủ năng lực tiếp cận thị trường và chuyển giao công nghệ.

- Đơn giản hóa thủ tục và tăng cường hỗ trợ tài chính cho các dự án phát triển sản phẩm OCOP (Chương trình Mỗi xã một sản phẩm), đặc biệt là hỗ trợ kinh phí thiết kế bao bì, xúc tiến thương mại và đăng ký sở hữu trí tuệ. Tạo ra các sản phẩm đặc trưng, có giá trị cao, gắn với du lịch sinh thái và nông nghiệp, tăng thu nhập bền vững cho người dân.

- Đổi mới chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và người dân tộc thiểu số gắn với nhu cầu và cam kết của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, giải quyết vấn đề cốt lõi của hộ nghèo do thiếu kỹ năng và thiếu việc làm.

4. Tạo sự đột phá về huy động, bố trí, quản lý nguồn lực thực hiện

Quyết tâm chính trị cao, đi đôi với hành động chính trị cụ thể là cơ sở thực hiện thắng lợi mục tiêu Chương trình đề ra. Bên cạnh nguồn vốn Trung ương hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình, hàng năm Ủy ban nhân dân các cấp phải chủ động cân đối, bố trí kinh phí địa phương theo phân cấp ngân sách thực hiện nội dung, mục tiêu Chương trình theo đúng quy định.

Các cấp ngành và địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động tối đa nguồn lực đảm bảo tương ứng, khả thi để hoàn thành mục tiêu đề ra; tăng cường lồng ghép kinh phí từ các chương trình, dự án hiện có và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để triển khai đồng bộ, toàn diện các nội dung, hợp phần của Chương trình; chú trọng thực hiện tốt các cơ chế, chính sách, giải pháp huy động tối đa nguồn lực từ xã hội, cần hết sức quan tâm khai thác, vận dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực phi tài chính như con người, tiềm năng lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa xã hội,...

Quan tâm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn: (1) đối với nguồn vốn trực tiếp Chương trình do Trung ương phân bổ cần được bố trí sử dụng đúng đối tượng, định mức, thực hiện và thanh toán kịp thời, không để chậm trễ hay tồn đọng dẫn đến bị thu hồi về ngân sách Trung ương; (2) ưu tiên tập trung nguồn lực cho các đơn vị trong kế hoạch, thực hiện công tác quy hoạch nông thôn mới, các mô hình, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (3) thực hiện tốt cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trên cùng địa bàn, nhất là đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia hiện có, đảm bảo phát huy tốt nhất hiệu quả nguồn vốn.

5. Tập trung phát triển kinh tế, không ngừng nâng cao mức sống, chất lượng cuộc sống cho người dân

- Thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, sinh thái; bảo đảm thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng vật nuôi theo định hướng cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế tập thể gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản, tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong nông nghiệp; quan tâm phát triển sản phẩm ngành nghề nông thôn, sản phẩm đặc trưng của từng địa phương theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để nâng cao giá trị gia tăng bền vững; thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, chính sách phát triển công nghiệp nông thôn, thu hút đầu tư xây dựng nhà máy chế biến nguyên liệu nông sản địa phương để tạo ra việc làm tại chỗ và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn; kết hợp xây dựng các mô hình ấp, xóm, khu dân cư Sáng -

xanh - sạch - đẹp - an toàn làm tiền đề hình thành các điểm, tuyến, sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bao trùm, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản; khuyến khích và có chính sách ưu đãi phát triển đa dạng các mô hình sản xuất và dịch vụ có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số. Đổi mới thực chất cách tiếp cận trong giảm nghèo bằng các chính sách hỗ trợ có điều kiện, giảm hỗ trợ cho không, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên tự thoát nghèo; hạn chế bất bình đẳng xã hội...

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức giảm nghèo, tiến đến xóa nghèo. Đối với những người nghèo ở các vùng thuận lợi thì tạo điều kiện cung cấp tài nguyên, tạo nguồn sinh kế để họ tự tin, chủ động vươn lên cải thiện đời sống. Đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số thì tập trung ưu tiên hỗ trợ, mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội tới tất cả đối tượng dễ bị tổn thương, các đối tượng yếu thế.

- Quan tâm bố trí nguồn lực phù hợp cho đầu tư nâng chất các tiêu chí, nội dung ở mức tiệm cận so với quy định, còn thiếu bền vững, ưu tiên thực hiện tiêu chí về chất lượng môi trường sống trong xây dựng nông thôn mới, tập trung giải quyết các hạn chế, tồn tại trong lĩnh vực như môi trường, an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch, quản lý quy hoạch, sinh hoạt văn hóa,... để nâng cao chất lượng cuộc sống người dân nông thôn, nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

- Cấp ủy, chính quyền, cơ quan quản lý điều hành Chương trình các cấp cần quan tâm, chú trọng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, trọng tâm là việc hoàn thiện thể chế, tạo lập môi trường thuận lợi để triển khai các nội dung, hợp phần của Chương trình; quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực thực hiện; đánh giá hiệu quả thực hiện các dự án, nhất là dự án phát triển sản xuất, cải thiện môi trường sống cho người dân. Thay thế việc đánh giá định kỳ chỉ dựa trên mức độ giải ngân sang đánh giá dựa trên kết quả đầu ra và tác động xã hội.

- Xây dựng Hệ thống Quản lý Dữ liệu Chương trình, số hóa và tích hợp toàn bộ dữ liệu lên một nền tảng tập trung, quản lý Chương trình minh bạch, kịp thời, cung cấp căn cứ chính xác cho việc ra quyết định điều chỉnh chính sách. Tăng cường phản biện xã hội, ưu tiên cấp kinh phí hoạt động cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã/phường để thực hiện giám sát, phản biện độc lập đối với các dự án và chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình. Phát huy hơn nữa vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư theo phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở ban ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện Chương trình, tham mưu

cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện đầy đủ các nội dung, giải pháp đề ra theo Kế hoạch này, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mục tiêu Chương trình hàng năm và giai đoạn 05 năm.

2. Từng cơ quan, đơn vị và địa phương phải xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng để tập trung triển khai mang tính trách nhiệm, có phối hợp và đảm bảo hiệu quả; thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra giám sát và thực hiện đầy đủ chế độ thông tin báo cáo về Chương trình. Các cơ quan, đơn vị là thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 của ngành và địa phương mình ngay sau khi Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, gửi về Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố để tổng hợp, theo dõi.

3. Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố tham mưu ban hành sớm một số chính sách liên quan để cụ thể hóa nguyên tắc và phân cấp thực hiện Chương trình, tạo môi trường thuận lợi và đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ trì, cơ quan tham mưu triển khai Chương trình.

4. Theo định hướng xây dựng xã nông thôn mới hiện đại/ấp nông thôn mới thông minh, các Sở ban ngành có liên quan chủ động hướng dẫn thực hiện, thường xuyên kiểm tra, và kịp thời đề xuất Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố các giải pháp, nội dung phù hợp nhằm hỗ trợ địa phương.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng thực hiện sôi nổi các Phong trào thi đua, các cuộc vận động có liên quan, đưa Chương trình trở thành phong trào nhận thức và hành động xã hội sâu rộng, với nhiều mô hình, phần việc được triển khai có hiệu quả trong thực tế, góp phần đẩy nhanh tiến độ, tạo sự đồng thuận và nâng cao tính bền vững.

6. Giao Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, thường xuyên báo cáo Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố.

7. UBND xã, phường chỉ đạo triển khai và chịu trách nhiệm về kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn; xây dựng kế hoạch thực hiện cả giai đoạn và cụ thể hàng năm, đảm bảo phù hợp theo lộ trình kế hoạch chung của thành phố; trong đó cần tập trung quan tâm thực hiện đầy đủ, hiệu quả các giải pháp theo phân công, phân cấp; bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định; tăng cường đầu tư cho hạ tầng, phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, an sinh xã hội, nâng cao chất lượng môi trường sống cho người dân.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 thành phố Cần Thơ. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Bộ Tài chính;
- TT. TU, TT. HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Thành viên BCD các Chương trình MTQG TP Cần Thơ;
- VPĐP các CTMTQG thành phố;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, CT.

16 KH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Chí Hùng

Phụ lục số 01
CÁC ĐƠN VỊ PHẤN ĐẦU ĐẠT CHUẨN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số:193 /KH-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

I. ĐỐI VỚI XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

100% số xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ (72 xã) xây dựng kế hoạch, lộ trình để thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2026 - 2030. Trong đó, các xã định hướng chỉ đạo xây dựng xã nông thôn mới hiện đại phải xác định lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới trong các năm đầu giai đoạn (năm 2026, năm 2027).

Căn cứ nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, ngân sách địa phương (thành phố, xã) và các nguồn vốn lồng ghép, huy động hợp pháp khác, Ủy ban nhân dân xã rà soát, đăng ký phấn đấu đạt chuẩn hàng năm để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét đưa vào kế hoạch thực hiện phù hợp mới mục tiêu, lộ trình chung của thành phố.

II. ĐỐI VỚI XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI

Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại gồm:

TT	Đơn vị	Nhóm xã	Ghi chú
1	Xã Trường Long	II	Xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn cũ, không sáp nhập với đơn vị khác
2	Xã Thới Hưng	II	Xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn cũ, không sáp nhập với đơn vị khác
3	Xã Trường Thành	II	Xã nông thôn mới giai đoạn cũ
4	Xã Hòa Tú	II	Xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn cũ
5	Xã Hồ Đắc Kiên	II	Xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn cũ
6	Xã Vị Thủy	II	Xã nông thôn mới giai đoạn cũ
7	Xã Thạnh Hòa	I	Xã nông thôn mới giai đoạn cũ
8	Xã Thạnh Xuân	I	Xã nông thôn mới giai đoạn cũ
9	Xã Hòa Lự	III	Xã nông thôn mới giai đoạn cũ

Khuyến khích tất cả các xã đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện các giải pháp tập trung chỉ đạo, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại trong giai đoạn 2026 - 2030.

Phụ lục số II
CÁC NỘI DUNG TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số:193 /KH-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
I	CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH				
1	Nghị quyết Chuyên đề của Ban Chấp hành Thành ủy về thực hiện Chương trình	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Tháng 4/2026	Nghị quyết của Thành ủy
2	Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Tháng 4/2026	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố
3	Quy định tổ chức bộ máy quản lý điều hành và tham mưu Chương trình	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Nội vụ; Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố, các sở ban ngành liên quan	Năm 2026	Quyết định thành lập, văn bản hướng dẫn của cấp thẩm quyền

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
4	Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Nội vụ; Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố, các sở ban ngành liên quan	Năm 2026 và điều chỉnh/bổ sung thường xuyên (nếu cần)	Quyết định của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố
5	Kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý I hàng năm	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố
6	Rà soát, theo dõi, đánh giá mức tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số	Thống kê thành phố	Sở Dân tộc và Tôn giáo; Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Đầu kỳ/cuối kỳ, hàng năm	Số liệu về thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số
7	Rà soát, theo dõi, đánh giá tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Đầu kỳ/cuối kỳ, hàng năm	Số liệu tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số
8	Quy chế phân công thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố về thực hiện Chương trình	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý I	Quyết định của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
9	Thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Hàng năm	Các Kế hoạch triển khai và Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố
II	CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH				
1	Quy định Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý II/2026 (theo tiến độ Trung ương hướng dẫn)	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố
2	Hướng dẫn thực hiện, đánh giá, công nhận Bộ tiêu chí xã nông thôn mới áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý III/2026 (theo tiến độ Trung ương hướng dẫn)	Hướng dẫn của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố
3	Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ nguồn vốn Chương trình và quy định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý II/2026 (theo tiến độ Trung ương hướng dẫn)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
4	Ban hành thiết kế mẫu phục vụ phát triển hạ tầng kinh tế xã hội trong triển khai Chương trình (nếu cần thiết)	Sở Xây dựng	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026 và điều chỉnh/bổ sung thường xuyên (nếu cần)	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố
5	Hướng dẫn công tác Quy hoạch trong thực hiện Chương trình	Sở Xây dựng	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026 và điều chỉnh/bổ sung thường xuyên (nếu cần)	Văn bản của cấp thẩm quyền
6	Ban hành Bộ tiêu chí thực hiện công tác tuyên truyền người dân, cộng đồng tham gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý II/2026	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố
7	Cơ chế chính sách phục vụ triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2035	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026 và điều chỉnh/bổ sung thường xuyên (nếu cần)	Quyết định/Quy chế/Kế hoạch/Hướng dẫn của Ủy ban nhân dân/Hội đồng OCOP thành phố
8	Cơ chế phân cấp quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn, hàng năm sử dụng vốn ngân sách	Sở Tài chính	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý II/ 2026	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
9	Bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương	Sở Tài chính	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý I/ 2026	Thông báo vốn của cấp thẩm quyền
10	Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo; Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý II/ 2026	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố
11	Quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện	Sở Tài chính	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý II/ 2026	Văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố
12	Quy định quy trình bảo trì mẫu cho công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân	Sở Xây dựng	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý II/ 2026	Văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố
13	Bố trí ngân sách thành phố để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua hệ thống ngân hàng chính sách xã hội	Sở Tài chính	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố; Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Giai đoạn 2026 - 2030	Văn bản của cấp thẩm quyền

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
14	Phân bổ vốn đầu tư công trung hạn/hàng năm; Thông báo dự toán 05 năm và hàng năm	Sở Tài chính; Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý II/ 2026 và định kỳ hàng năm	Văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố
15	Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, có tính chất kỹ thuật đơn giản; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc loại danh mục dự án đặc thù.	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý II/ 2026	Văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố
III	CÁC NỘI DUNG LÒNG GHÉP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH				
1	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2035	Hoàn thành các tiêu chí liên quan lĩnh vực Văn hóa
2	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2035	Hoàn thành các tiêu chí liên quan lĩnh vực Giáo dục

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
3	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về Chăm sóc Sức khỏe, Dân số và Phát triển giai đoạn 2026 - 2035	Sở Y tế	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2035	Hoàn thành các tiêu chí liên quan lĩnh vực Y tế
4	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030	Công an thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2035	Hoàn thành các tiêu chí liên quan lĩnh vực An ninh
5	Triển khai Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Kế hoạch
6	Triển khai Dự án Phát triển cây ăn trái đặc sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Dự án
7	Triển khai Đề án Phát triển nuôi tôm nước lợ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Đề án
8	Triển khai Dự án Phát triển lúa đặc sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Dự án
9	Triển khai Dự án Phát triển chăn nuôi bò	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Dự án

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
10	Triển khai Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 (Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Dự án
11	Thực hiện Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản	Sở Công Thương	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Đề án
12	Thực hiện Chương trình khuyến công giai đoạn 2026 - 2030	Sở Công Thương	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã và các doanh nghiệp, hợp tác xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Chương trình
13	Thực hiện chính sách phát triển khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế	Sở Công Thương	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu chính sách
14	Triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến đến năm 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Chương trình
15	Thực hiện các chính sách về hỗ trợ phát triển du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu chính sách
16	Triển khai Chương trình tổng thể về kinh tế tập thể	Sở Tài chính	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Chương trình

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
17	Thực hiện các chính sách về thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Sở Tài chính	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu chính sách
18	Thực hiện các phương án, chính sách bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu chính sách
19	Triển khai các nguồn vốn tín dụng chính sách thực hiện Chương trình	Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh thành phố Cần Thơ	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu chính sách
20	Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước	Sở Nội vụ	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Chương trình
21	Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Kế hoạch
22	Thực hiện công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc	Công an thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	
23	Thực hiện Đề án tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và hoàn thành chỉ tiêu quốc phòng hàng năm	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã	2026 - 2030	Theo mục tiêu Đề án